SAO Y
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

UBND TỈNH TIỀN GIANG
**SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 134/QĐ-SLĐTBXH

*Tiền Giang, ngày 19 tháng 12 năm 2023*

# QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, người lao động khối Văn phòng Sở và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2023**

## GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

*Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Tiền Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tuyển dụng sử dụng và quản lý công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 119/QĐ-SLĐTBXH ngày 04/12/2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức (Người đứng đầu đơn vị trực thuộc) và người lao động thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Tiền Giang;*

*Căn cứ Biên bản họp ngày 15/12/2023 về việc đánh giá, xếp loại công chức, người lao động khối Văn phòng Sở và viên chức là người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Sở năm 2023;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận kết quả đánh giá và xếp loại chất lượng **46 công chức, 03 người lao động** (hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP) của Khối Văn phòng Sở và **08 viên chức** là người đứng đầu của các đơn vị trực thuộc Sở năm 2023 như sau:

Khối Văn phòng Sở

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 08 công chức.

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 38 công chức và 03 người lao động.
- Hoàn thành nhiệm vụ: 00.
- Không hoàn thành nhiệm vụ: 00.

Các đơn vị trực thuộc Sở

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 03 viên chức.
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 04 viên chức.
- Hoàn thành nhiệm vụ: 00.
- Không hoàn thành nhiệm vụ: 02.

*(đính kèm danh sách)*

**Điều 2.** Đối với viên chức và người lao động không thuộc đối tượng tại Điều 1. Người đứng đầu đơn vị trực thuộc Sở quyết định kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng và thông báo kết quả theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Sở; Thủ trưởng các phòng nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc Sở; công chức, viên chức và người lao động có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định này thi hành./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 4;
- Ban Giám đốc Sở;
- Thông tin trên Website Sở;
- Niêm yết tại bảng thông tin nội bộ;
- Lưu: VT, TCCB.

**GIÁM ĐỐC**

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**Lý Văn Cẩm**

# KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÔNG CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG KHỐI VĂN PHÒNG SỞ VÀ THỦ TRƯỞNG CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ NĂM 2023

*(Kèm theo Quyết định số 134/QĐ-SLĐTBXH ngày 19/12/2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)*

| STT | Họ và tên | Đơn vị/chức vụ | Mức độ phân loại đánh giá | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | Hoàn thành tốt nhiệm vụ | Hoàn thành nhiệm vụ | Không hoàn thành nhiệm vụ | |
| **I** | **Văn phòng Sở** | | | | | | |
| 1 | Lý Văn Cẩm | Giám đốc | | | | | *Do Tỉnh ủy đánh giá* |
| 2 | Phan Thanh Vân | Phó Giám đốc | | | | | |
| 3 | Nguyễn Thị Kiều Loan | " | | | | | |
| 4 | Nguyễn Thị Mỹ Nương | " | | | | | |
| 5 | Mạch Trí Dũng | Chánh Văn phòng | | X | | | |
| 6 | Nguyễn Văn Trường | Phó Chánh Văn phòng | | X | | | |
| 7 | Hoàng Thị Diệu Linh | Phó Chánh Văn phòng | X | | | | |
| 8 | Nguyễn Thị Kim Sương | Chuyên viên | | X | | | |
| 9 | Cao Phi Đằng | Chuyên viên | | X | | | |
| 10 | Lê Thị Mỹ Linh | Chuyên viên | | X | | | |
| 11 | Lê Thị Mỹ Hạnh | Chuyên viên | X | | | | |
| 12 | Bùi Nguyễn Duy | Cán sự | | X | | | |
| 13 | Nguyễn Thanh Duy | Kế toán viên | | X | | | |
| 14 | Nguyễn Thị Mỹ Dung | Kế toán viên | | X | | | |
| 15 | Nguyễn Bạch Quyên | Kế toán viên | | X | | | |
| 16 | Huỳnh Hữu Công | Chánh Thanh tra | | X | | | |
| 17 | Nguyễn Phi Khang | Phó Chánh Thanh tra | | X | | | |
| 18 | Nguyễn Văn Thành | Thanh tra viên | | X | | | |
| 19 | Nguyễn Thị Ngọc Thanh | Thanh tra viên | | X | | | |
| 20 | Nguyễn Quốc Dương | Thanh tra viên | X | | | | |
| 21 | Nguyễn Thị Thu Nguyên | Trưởng phòng | X | | | | |
| 22 | Nguyễn Phạm Phú | Phó Trưởng phòng | | X | | | |
| 23 | Võ Thị Mao | Chuyên viên | | X | | | |
| 24 | Chế Kim Ngân | Chuyên viên | | X | | | |

| STT | Họ và tên | Đơn vị/chức vụ | Mức độ phân loại đánh giá | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | Hoàn thành tốt nhiệm vụ | Hoàn thành nhiệm vụ | Không hoàn thành nhiệm vụ | |
| 25 | Trần Như Huỳnh | Chuyên viên | | X | | | |
| 26 | Võ Thị Hồng Diễm | Chuyên viên | | X | | | |
| 27 | Trác Lâm | Trưởng phòng | | X | | | |
| 28 | Trương Thị Hiền | Nguyên Phó Trưởng phòng | | X | | | *Nghỉ việc từ ngày 01/11/2023* |
| 29 | Bùi Văn Lý | Phó Trưởng phòng | | X | | | |
| 30 | Trần Mạnh Toàn | Chuyên viên | X | | | | |
| 31 | Trịnh Nhựt Huy | Chuyên viên | | X | | | |
| 32 | Hồ Thị Quế Trâm | Chuyên viên | | X | | | |
| 33 | Phạm Thị Kim Hạnh | Chuyên viên | | X | | | |
| 34 | Trương Thùy Minh | Chuyên viên | | X | | | |
| 35 | Trương Thị Phương Trúc | Trưởng phòng | | X | | | |
| 36 | Nguyễn Bá Trước | Phó Trưởng phòng | X | | | | |
| 37 | Nguyễn Thanh Tân | Phó Trưởng phòng | | X | | | |
| 38 | Nguyễn Trường Giang | Chuyên viên | | X | | | |
| 39 | Nguyễn Giang Nam | Chuyên viên | | X | | | |
| 40 | Dương Lê Hồng Phượng | Chuyên viên | | X | | | |
| 41 | Phan Thị Ngọc Bích | Chuyên viên | | X | | | |
| 42 | Nguyễn Hồng Trúc | Chuyên viên | X | | | | |
| 43 | Nguyễn Thanh Phương | Chuyên viên | | X | | | |
| 44 | Phan Hữu Vạn | Cán sự | | X | | | |
| 45 | Trương Quốc Sử | Phó Phụ trách phòng | X | | | | |
| 46 | Trần Minh Sang | Chuyên viên | | X | | | |
| 47 | Bùi Minh Tuấn Vũ | Chuyên viên | | X | | | |
| 48 | Nguyễn Quốc Tân | Chuyên viên | | X | | | |
| 49 | Nguyễn Vĩnh Vân | Chuyên viên | | X | | | |
| 50 | Nguyễn Thanh Quang | Chuyên viên | | X | | | |
| **II** | **Hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP** | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thanh Long | Lái xe | | X | | | |
| 2 | Đặng Hoàng Trung | Lái xe | | X | | | |

| STT | Họ và tên | Đơn vị/chức vụ | Mức độ phân loại đánh giá | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | Hoàn thành tốt nhiệm vụ | Hoàn thành nhiệm vụ | Không hoàn thành nhiệm vụ | |
| 3 | Nguyễn Thị Kim Tâm | Tạp vụ | | X | | | |
| **III** | **Trường Trung cấp Gò Công** | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Hữu Hào | Hiệu trưởng | | | | X | |
| **IV** | **Trường Trung cấp Cai Lậy** | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Văn Khởi | Nguyên Hiệu trưởng | X | | | | *Nghỉ hưu từ ngày 01/11/2023* |
| **V** | **Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ Cái Bè** | | | | | | |
| 1 | Phan Ngọc Thuận | | | | | X | |
| **VI** | **Trung tâm Công tác xã hội** | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Hoàng Sĩ | Quyền Giám đốc | X | | | | *Công nhận kết quả từ đơn vị cũ (Tiếp nhận từ ngày 01/11/2023)* |
| **VII** | **Trung tâm Dịch vụ việc làm** | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Dân Quyền | Giám đốc | | X | | | |
| **VIII** | **Cơ sở Cai nghiện ma túy** | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Văn Nâu | Giám đốc | | X | | | |
| **IX** | **Ban Quản lý nghĩa trang và Dịch vụ mai táng, hỏa táng** | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Văn Máy | Trưởng ban | X | | | | |
| **X** | **Quỹ Bảo trợ trẻ em** | | | | | | |
| 1 | Lê Văn Bé Chín | Giám đốc | | X | | | |
| **Tổng** | | | **11** | **44** | | **2** | |